TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án Số: **72**/2020/KDTM-ST
Ngày: 29/10/2020
V/v: Tranh chấp Hợp đồng Tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Với thành phần Hội đồng xét xử Sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Phương Thảo**
- Các hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hải Phùng**
Bà Nguyễn Thị Cờ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: **Bà Nguyễn Thị Bình -** Cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

-*Đại diện Viện kiểm Sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:***Bà Phạm Hà Thanh -** Kiểm Sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ Sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, xét xử Sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý Số: 150/2019/ TLST-KDTM ngày 17/12/2019; Về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Số 164/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 07 năm 2020, giữa các đương Sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng S;** Địa chỉ: 89 S, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C D – Chủ tịch Hội Đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm T A theo văn bản ủy quyền Số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/03/2020; Ông Trương C Đ, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị H theo văn bản ủy quyền ủy quyền Số 1329/2020/ UQ-VPB ngày 22/04/2020. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H**; Địa chỉ: Số 650, đường K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Giang Công B - Giám đốc; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã C, huyện A, Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Giang Công B, Sinh năm: 1976; Bà Nguyễn Thị L, Sinh năm: 1981; Chị Giang T L, Sinh năm 2003; Chị Giang T C, Sinh năm 2009; Chị Giang Thúy T, Sinh năm 2013; Cùng ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/04/2018 và bản tự khai tại tòa nguyên đơn là **Ngân hàng S (S)** trình bày như Sau: Ngân hàng S và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức Số: LD 1102000246 ngày

20/01/2011, phụ lục Số 01 ngày 12/07/2011, phụ lục Số 02 ngày 21/03/2012 với tổng Số tiền là 1.500.000.000 đồng, cụ thể như Sau:

1.1 Khế ước nhận nợ Số LD1134600158 ngày 12/12/2011.

-Số tiền vay : 450.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng)

-Thời hạn vay: 04 tháng, từ ngày 12/12/2011 đến ngày 20/04/2012.

-Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng cho bên bán

-Các kỳ hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng một lần khi kết thúc thời hạn vay nêu tại khoản 2 của hợp đồng tín dụng(trả cuối kỳ);

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01tháng/1 lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2011.

-Lãi Suất cho vay trong hạn: 23,5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi Suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất, trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8.5%/năm.

1.2. Khế ước nhận nợ Số LD1201000048 ngày 10/01/2012.

-Số tiền vay : 415.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười lăm triệu đồng)

-Thời hạn vay : 03 tháng, từ ngày 10/01/2012 đến ngày 20/04/2012.

-Mục đích vay : Thanh toán tiền mua hàng cho bên bán

-Các kỳ hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng một lần khi kết thúc thời hạn vay nêu tại khoản 2 của hợp đồng tín dụng(trả cuối kỳ);

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01tháng/1 lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2011.

- Lãi Suất cho vay trong hạn: 23,5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi Suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất, trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8.5%/năm.

1.3. Khế ước nhận nợ Số LD1201900307 ngày 19/01/2012.

- Số tiền vay : 280.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng)
- Thời hạn vay: 03 tháng, từ ngày 19/01/2012 đến ngày 20/04/2012.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng cho bên bán
- Các kỳ hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng một lần khi kết thúc thời hạn vay nêu tại khoản 2 của hợp đồng tín dụng(trả cuối kỳ);

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01tháng/1 lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/12/2011.

-Lãi Suất cho vay trong hạn: 21%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi Suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất, trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8.5%/năm.

-Lãi Suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi Suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát Sinh nợ quá hạn.

-Phạt chậm trả lãi: Bằng 0,05%/ngày tính trên Số tiền lãi chậm trả và Số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

1.4. Khế ước nhận nợ Số LD1202000145 ngày 20/01/2012.

– Số tiền vay : 355.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng)

– Thời hạn vay: 03 tháng, từ ngày 20/01/2012 đến ngày 20/04/2012.

– Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng cho bên bán

– Các kỳ hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng một lần khi kết thúc thời hạn vay nêu tại khoản 2 của hợp đồng tín dụng(trả cuối kỳ);

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01tháng/1 lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2011.

-Lãi Suất cho vay trong hạn: 23%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi Suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất, trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 7.5%/năm.

-Lãi Suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi Suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát Sinh nợ quá hạn.

-Phạt chậm trả lãi: Bằng 0,05%/ngày tính trên Số tiền lãi chậm trả và Số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

1.5 Tài Sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: quyền Sở hữu nhà ở và tài Sản khác gắn liền với đất Số AK 743942; Số vào Sổ cấp GCN: 43-833/QĐ-UB/2009 do UBND huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2009, đứng tên ông Giang Công B. Theo Hợp đồng thế chấp Số 9830.09 ngày 23/07/2009 tại Văn phòng công chứng Số 1 Thành phố Hà Nội, các phụ lục theo Hợp đồng thế chấp gồm: Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 22/01/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 11/06/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 19/01/2010. Việc thế chấp đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật.

1.6 Quá trình thực hiện hợp đồng:

(S) đã giải ngân tổng Số tiền là 1.500.000.000 đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H theo: Khế ước nhận nợ Số LD1134600158 ngày 12/12/2011; Khế ước nhận nợ Số LD1201000048 ngày 10/01/2012; Khế ước nhận nợ Số LD1201900307 ngày 19/01/2012; Khế ước nhận nợ Số LD1202000145 ngày 20/01/2012. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, (S) đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H vẫn không thanh toán, Nay nguyên đơn yêu cầu:

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải thanh toán cho (S)

toàn bộ Số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản tiền phát Sinh theo các hợp đồng tín dụng hạn mức Số LD 1102000246 ngày 20/01/2011, phụ lục Số 01 ngày 12/7/2011, phụ lục Số 02 ngày 21/3/2012 và các khế ước nhận nợ tạm tính đến ngày 25/11/2019 là: nợ gốc: 1.423.952.380 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.554.982.315 đồng, tổng cộng: **3.978.934.695 (ba tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, Sáu trăm chín mươi năm) đồng**. Yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày Công ty Hải Linh thực tế thanh toán hết nợ cho (S).

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: (S) có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài Sản thế chấp để thu hồi nợ cho (S), cụ thể là quyền Sử dụng đất và tài Sản gắn liền trên đất tại Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất, quyền Sở hữu nhà ở và tài Sản khác gắn liền với đất Số AK 743942; Số vào Sổ cấp GCN: 43-833/QĐ-UB/2009 do UBND huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2009, đứng tên ông Giang Công B.

* Bị đơn là **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H**; Địa chỉ: Số 650, đường K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Giang Công B - Giám đốc; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã C, huyện A, Hà Nội. Hiện không có mặt tại nơi cư trú nên không ghi được ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Giang Công B, Sinh năm: 1976; Bà Nguyễn Thị L, Sinh năm: 1981; Chị Giang T L, Sinh năm 2003; Chị Giang T C, Sinh năm 2009; Chị Giang Thúy T, Sinh năm 2013; Cùng ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn yêu cầu:

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải trả cho **Ngân hàng S (S)** tổng Số nợ còn thiếu tính đến ngày 10/09/2020 là 4.515.461.380 đồng(Gồm nợ gốc: 1.423.952.380 đồng; Lãi phải trả: 3.091.509.000 đồng); Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H không thực hiện thì yêu cầu được phát mãi tài Sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp Số 9830.09 ngày 23/07/2009 tại Văn phòng công chứng Số 1 Thành phố Hà Nội, các phụ lục theo Hợp đồng thế chấp gồm: Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 22/01/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 11/06/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 19/01/2010. Tài Sản đảm bảo là: quyền Sử dụng đất và tài Sản gắn liền trên đất tại Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất, quyền Sở hữu nhà ở và tài Sản khác gắn liền với đất Số AK 743942; Số vào Sổ cấp GCN: 43-833/QĐ-UB/2009 do UBND huyện A , thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2009, đứng tên ông Giang Công B; Trong trường hợp Số tiền phát mại tài Sản nêu trên không đủ để thanh

toán toàn bộ khoản nợ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H vẫn phải có nghĩa vụ dùng tài Sản khác của ông/bà để thanh toán hết Số nợ còn lại cho Ngân hàng.

Đại diện viện kiểm Sát nhân dân quận Đống Đa tham dự phiên tòa có ý kiến: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân Sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định của pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập theo đúng tố tụng nhưng không đến tham gia phiên tòa nên tòa án vẫn xét xử theo điều 227, điều 228 bộ luật tố tụng dân Sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm Sát nhân dân quận Đống Đa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S (S) đối với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H; Buộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải thanh toán trả ngân hàng Số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử Sơ thẩm và tiền lãi theo quy định. Trường hợp phía bị đơn không thực hiện thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài Sản thế chấp để thu hồi nợ. Đương Sự phải chịu án phí dân Sự Sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ Sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng S (S); Mã Số doanh nghiệp 0100233583; Đăng ký lần đầu ngày 08/09/1993; Đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 17/11/2017; Địa chỉ: 89 S, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C D – Chủ tịch Hội Đồng quản trị.

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H; Mã Số doanh nghiệp 0105837483; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 21/03/2007, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 24/04/2007; Địa chỉ: Số 650, đường K, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Giang Công B - Giám đốc.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ Sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp phát Sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân Sự.

Bị đơn là Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H là doanh nghiệp đã không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký; người đại diện theo pháp luật không có mặt tại nơi cư trú; Tòa án đã tiến hành các thủ tục đảm bảo quyền lợi cho các đương Sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân Sự.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân Sự.

Việc ủy quyền của đương Sự đúng quy định pháp luật.

[2] Về hợp đồng và các vấn đề liên quan đến quan hệ pháp luật phát Sinh tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ Sơ, đã được công khai chứng cứ và thẩm tra tại phiên tòa, có cơ Sở xác định như Sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức Số: LD 1102000246 ngày 20/01/2011, phụ lục Số 01 ngày 12/07/2011, phụ lục Số 02 ngày 21/03/2012 có thỏa thuận về hạn mức tín dụng và mục đích Sử dụng vốn vay, lãi Suất, phí và các chi phí khác, điều kiện, phương thức giải ngân, biện pháp bảo đảm tiền vay, thời hạn và phương thức trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thu hồi trước hạn, nợ quá hạn, quyền và nghĩa vụ của các bên, luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp, ….Đây là Hợp đồng vay tài Sản phù hợp với quy định của Bộ luật dân Sự; Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay. Do đó, xác định là hợp đồng hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Giao dịch các bên được ký kết vào năm 2011, năm 2012 nên áp dụng bộ luật dân Sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác để giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Yêu cầu về thanh toán tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức Số: LD 1102000246 ngày 20/01/2011, phụ lục Số 01 ngày 12/07/2011, phụ lục Số 02 ngày 21/03/2012 và các khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ Số LD1134600158 ngày 12/12/2011; Khế ước nhận nợ Số LD1201000048 ngày 10/01/2012; Khế ước nhận nợ Số LD1201900307 ngày 19/01/2012; Khế ước nhận nợ Số LD1202000145 ngày 20/01/2012.

*Đối với yêu cầu đòi Số tiền nợ gốc là: 1.423.952.380 đồng.

Xét: Tại điều 2 của Hợp đồng tín dụng hạn mức Số: LD 1102000246 ngày 20/01/2011 quy định "… *Lãi Suất cho vay trong hạn: Mỗi lần vay vốn, bên Ngân hàng Sẽ thông báo cho bên vay về mức lãi Suất, phương thức điều chỉnh lãi Suất áp dụng đối với khoản vay đó và ghi nhận cụ thể trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan….*". Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa phía nguyên đơn không xuất trình được 04 khế ước nhận nợ nêu trên mà chỉ có 04 ủy nhiệm chi giữa

người trả tiền: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H và người nhận tiền: Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Số 6. Cụ thể:

-Ủy nhiệm chi ngày 12/12/2011 Số tiền 450.000.000 đồng, nội dung: Thanh toán tiền mua hàng theo Hợp đồng Số 02/2011;

-Ủy nhiệm chi ngày 10/01/2012 Số tiền 415.000.000 đồng, nội dung: Nhận nợ tiền vay thanh toán tiền hàng theo Hợp đồng Số 02/2011/HĐKT ký ngày 08/01/2011;

-Ủy nhiệm chi ngày 19/01/2012 Số tiền 280.000.000 đồng, nội dung: Nhận nợ tiền vay thanh toán tiền cho nhà thầu phụ theo Hợp đồng Số 99/2011 HĐKT;

-Ủy nhiệm chi ngày 20/01/2012 Số tiền 355.000.000 đồng, nội dung: Nhận nợ tiền vay thanh toán tiền cho nhà thầu phụ theo Hợp đồng Số 99/2011 HĐKT ngày 20/10/2011;

Có cơ Sở xác định Số tiền 1.500.000.000 đồng đã được Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H.

Theo bản Sao kê của Ngân hàng cung cấp: vào ngày 20/04/2012 Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H đã trả được một phần tiền vào khoản vay 450.000.000 đồng, Số tiền còn lại là: 373.952.380 đồng. Còn các khoản vay khác chưa trả được.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu đòi Số tiền nợ gốc 1.423.952.380 đồng của nguyên đơn.

*Đối với yêu cầu đòi Số tiền nợ lãi là: 3.091.509.000 đồng.

Xét: Do Ngân hàng không xuất trình được 04 khế ước nhận nợ nên không có căn cứ để chấp nhận lãi Suất như phía Ngân hàng yêu cầu.

Căn cứ vào điều 476 Bộ luật dân Sự năm 2005; Quyết định Số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định mức lãi Suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, Số tiền lãi được chấp nhận là:

Đối với Số tiền 415.000.000 đồng vay từ ngày 10/01/2012 đến ngày xét xử (29/10/2020) là 3216 ngày. Số tiền lãi là: 333.660.000 đồng;

Đối với Số tiền 280.000.000 đồng vay từ ngày 19/01/2012 đến ngày xét xử (29/10/2020) là 3207 ngày. Số tiền lãi là: 224.490.000 đồng;

Đối với Số tiền 355.000.000 đồng vay từ ngày 20/01/2012 đến ngày xét xử (29/10/2020) là 3206 ngày. Số tiền lãi là: 284.532.500 đồng;

Đối với Số tiền 450.000.000 đồng vay từ ngày 12/12/2011 đến ngày 20/04/2012 là 131 ngày. Số tiền lãi là: 14.737.500 đồng;

Đối với Số tiền 373.952.380 đồng vay từ ngày 20/04/2012 đến ngày xét xử (29/10/2020) là 3115 ngày. Số tiền lãi là: 291.215.416 đồng;

Tổng cộng Số tiền lãi được chấp nhận là: 1.148.635.416 đồng.

Số tiền lãi phía nguyên đơn không được chấp nhận là:

3.091.509.000 đồng - 1.148.635.416 đồng = 1.942.873.584 đồng.

3.2. Về yêu cầu xử lý tài Sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp Số 9830.09 ngày 23/07/2009 tại Văn phòng công chứng Số 1 Thành phố Hà Nội, các phụ lục theo Hợp đồng thế chấp gồm: Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 22/01/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 11/06/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 19/01/2010 giữa Ngân hàng S , Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H và ông Giang Công B, bà Nguyễn Thị L để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H tại Ngân hàng. Đã được đăng ký thế chấp quyền Sử dụng đất, tài Sản gắn liền với đất tại Phòng tài nguyên môi trường huyện A, Hà Nội ngày 03/08/2009. Việc ký kết các biện pháp bảo đảm do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, tài Sản bảo đảm thuộc quyền Sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Do vậy, trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài Sản bảo đảm theo khoản 3 Điều 19 Nghị định Số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ Sung một Số điều của Nghị định Số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[4] Về các vấn đề khác của vụ án:

Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là:

72.000.000 đồng + (2.572.587.796 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2% = 83.451.755 đồng, Làm tròn = 83.452.000 đồng.

Ngân hàng S (S) phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là:

36.000.000 đồng + (1.942.873.584 đồng – 800.000.000 đồng) x 3% = 70.286.207 đồng, Làm tròn = 70.286.000 đồng.

Đối với chi phí tố tụng phía nguyên đơn tự nguyện chịu nên chấp nhận.

Các đương Sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, 35, 36, 39, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân Sự

Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 121, 342, 355, 471, 473, 474, 475, 476, Bộ luật dân Sự năm 2005; Quyết định Số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam; Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân Sự năm 2015;

Nghị định Số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định Số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ Sung một Số điều của Nghị định Số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Nghị định Số 75/2000/NĐ-CP ngày 8.12.2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực.

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân Sự.

Xử:

1-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S (S) đối với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H.

2- Buộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải thanh toán cho Ngân hàng S (S) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức Số: LD 1102000246 ngày 20/01/2011, phụ lục Số 01 ngày 12/07/2011, phụ lục Số 02 ngày 21/03/2012, Số tiền nợ tính đến ngày xét xử Sơ thẩm là **2.572.587.796** đồng *(Hai tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi Sáu đồng)* gồm:

+ Nợ gốc: 1.423.952.380 đồng *(Một tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng).*

+ Nợ lãi: 1.148.635.416 đồng *(Một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, Sáu trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm mười Sáu đồng).*

3- Trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H không thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ trên thì Ngân hàng S (S) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân Sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài Sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Số 9830.09 ngày 23/07/2009 tại Văn phòng công chứng Số 1 Thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng S, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H, ông Giang Công B, bà Nguyễn Thị L; các phụ lục theo Hợp đồng thế chấp gồm: Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 22/01/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 11/06/2010; Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 19/01/2010. Đã được đăng ký thế chấp quyền Sử dụng đất, tài Sản gắn liền với đất tại Phòng tài nguyên môi trường huyện A,

Hà Nội ngày 03/08/2009 để thu hồi nợ.

Tài Sản bảo đảm là: quyền Sử dụng đất và tài Sản gắn liền trên đất tại Thôn X, xã C, huyện A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất, quyền Sở hữu nhà ở và tài Sản khác gắn liền với đất Số AK 743942; Số vào Sổ cấp GCN: 43-833/QĐ-UB/2009 do UBND huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2009, mang tên ông Giang Công B.

Khi kê biên phát mại tài Sản đã thế chấp (nêu ở trên) thì việc xử lý các tài Sản gắn liền với đất được thực hiện theo khoản 3 Điều 19 Nghị định Số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ Sung một Số điều của Nghị định Số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Trong trường hợp phải xử lý tài Sản bảo đảm thì ngoài hộ gia đình đang cư trú tại căn hộ nêu trên, những người khác đang cùng quản lý, Sử dụng căn hộ đó cùng phải chuyển đi để thi hành án.

Trường hợp Số tiền thu được không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải tiếp tục trả Số nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

4- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của Số tiền còn phải thi hành theo mức lãi Suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân Sự năm 2015.

5- Về án phí:

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại H phải chịu 83.452.000 đồng (*Tám mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại Sơ thẩm.

Ngân hàng S (S) phải chịu 70.286.000 đồng (*Bảy mươi triệu, hai trăm tám mươi Sáu nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại Sơ thẩm. Ngân hàng S (S) đã nộp 55.790.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai Số 0009639 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân Sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Nay Ngân hàng S (S) còn phải nộp 14.496.000 đồng (*Mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi Sáu nghìn đồng*).

6- Án xử công khai Sơ thẩm, các đương Sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương Sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân Sự thì người được thi hành án dân Sự, người phải thi hành án dân Sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân Sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân Sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND TP Hà nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- THADS quận Đống Đa;
- Đương Sự;
- Lưu HS, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương Thảo